

Số/ No: 10032602/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, Phường Long Hương, Thành phố
Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Tên mẫu/ Name of sample : Trạm cấp nước Long Tân, ấp Hóc Măng, xã Long Hòa, Thành
phố Hồ Chí Minh
Mã số mẫu/ Code of sample : 100326-024
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1
chai thủy tinh nắp xanh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/03/2026
Ngày trả kết quả/ Date of result : 17/03/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				100326-024	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,18	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,65	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pemanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT/ The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

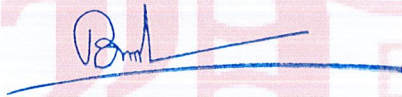
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;

Số/ No: 10032602/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified;
- (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**



Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Phan Duy Hưng



Số/ No: 10032602/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Tên khách hàng/ Customer

: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
: NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ/ Address

: Số 39 đường Hoàng Diệu, Phường Long Hương, Thành phố
: Hồ Chí Minh

Loại mẫu/ Type of sample

: Nước sạch

Tên mẫu/ Name of sample

: Hộ Trần Thị A, ấp Long Chiêu, xã Long Hoà, Thành phố
: Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Long Tân)

Mã số mẫu/ Code of sample

: 100326-025

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1
: chai thủy tinh nắp xanh 0,5L

Số lượng/ Quantity

: 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

: 10/03/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result

: 17/03/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				100326-025	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,05	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,58	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT/ The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

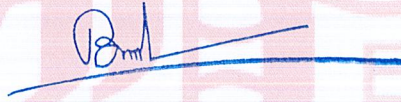
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;

Số/ No: 10032602/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (--): Không quy định/ No specified;
- (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



M.S.D.N: 0311259830
Phan Duy Hung

